

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Số: 10

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**
Địa chỉ: Tầng 18 và 19, Số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 38513205
Fax: 024 38513207
Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 10:2019/PLC
DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC DIESEL DD, PLC
DIESEL CF-II**
- Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:
Dầu nhờn động cơ **PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II.**

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



[Handwritten signature]

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 10:2019/PLC

**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC DIESEL DD, PLC DIESEL
CF-II - YÊU CẦU KỸ THUẬT**

Hà nội – 2019

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn dầu nhớt động cơ **PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II** số hiệu: TCCS 10:2019/PLC do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) biên soạn và ban hành.



PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY
HOÁ DẦU PETROLIMEX

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ
PLC DIESEL DD, PLC
DIESEL CF-II

TCCS 10:2019/PLC

Lần soát xét: 02

Ngày hiệu lực: 08/08/2019

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II – YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho dầu nhờn động cơ PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) sản xuất, được sử dụng cho các động cơ diesel 2 thì.

Ghi chú: Tiêu chuẩn cơ sở này thay thế cho các tiêu chuẩn cơ sở phiên bản trước đây của sản phẩm PLC Diesel DD và PLC Diesel CF-II.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1.	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2.	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt
3.	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ bắt cháy cốc hồ
4.	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5.	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
6.	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7.	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định Trị số kiềm tổng (TBN)
8.	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Tổng hàm lượng kim loại
9.	ASTM D130	Phương pháp thử xác định khả năng ăn mòn tấm đồng
10.	ASTM D4055	Phương pháp thử xác định hàm lượng cặn pentan
11.	ASTM D874	Phương pháp thử xác định hàm lượng tro sunphat
12.	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
13.	QCVN14:2018/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong
14.	Nghị định 43//2017/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho các loại dầu nhờn động cơ PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II như sau:

- PLC DIESEL DD có cấp chất lượng API: CD-II, cấp độ nhớt SAE: 40
- PLC DIESEL CF-II có cấp chất lượng API: CF-II, cấp độ nhớt SAE: 40

3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Có gốc dầu mỏ.

- Phụ gia: Phụ gia cho dầu động cơ đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không gây hỏng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3 Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt động cơ PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF-II:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	DẦU NHỚT ĐỘNG CƠ PLC DIESEL	
		DD	CF-II
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D 445	14÷15	14÷16
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D 2270	98	110
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D 92	220	220
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D 97	-9	-9
5. Hàm lượng nước, %TT, max	ASTM D 95	0,05	0,05
6. Đặc tính tạo bọt ở 93,5°C, ml, max	ASTM D892	50/0	50/0
7. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D 2896	7	9
8. Hàm lượng tro sunphat, %KL, max	ASTM D874	3	

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D 4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.

4.2. Bao gói: Dầu nhớt động cơ **PLC DIESEL DD, PLC DIESEL CF –II** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 209 lít, Thùng 18, 25 lít.

5. Các yêu cầu khác:

5.1 Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.